

Bản án số: 109/2023/HS-ST
Ngày 15 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Doãn Thị Vệ

2/ Bà Phan Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2023/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Doãn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 6 năm 1977; nơi cư trú: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Viết P và con bà Đặng Thị P; có vợ Trần Thị Mỹ D và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, được tại ngoại (có mặt).

Về nhân thân: Ngày 16/6/2011 bị Công an thị xã Phúc Yên (nay là Công an thành phố Phúc Yên) xử phạt hành chính về hành vi xúi giục người khác đánh nhau; mức phạt: 750.000đ. Ngày 16/6/2011 đã nộp tiền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Quang H, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ dân phố 11, thị trấn C, Huyện T, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn H, xã C, thành phố P,

tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Anh Trần Văn B, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn N, xã H, Huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. Chị Tạ Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Y, xã V, Huyện M, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

5. Anh Bàn Văn D, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn N, xã N, Huyện B, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

6. Anh Tạ Trung K, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn T, xã B, Huyện S, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn Y, xã L, Huyện M, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn L, xã M, Huyện M, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

9. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

10. Anh Lê Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã T, Huyện M, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Doãn H có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ đối với cơ sở “Cầm đồ H P” tại tổ 8, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tháng 11/2022 Nguyễn Doãn H thuê Bùi Quang H làm việc tại quán cầm đồ để kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho vay nặng lãi thu lợi bất chính, với mức lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/ngày đến 4.000đ/1 triệu/ngày (tương đương 109,5%/năm đến 146%/năm), cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất trong Bộ luật dân sự (là 20%/năm), Nguyễn Doãn H đã cho vay cụ thể như sau:

Ngày 16/9/2018, chị Tạ Thị P dùng 01 đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 29Z1 - 34897 và 01 giấy phép lái xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ H P để hỏi vay H 25.000.000đ với lãi suất 4.000 đồng/1triệu/ngày (tương đương 146%/năm). Hai bên viết giấy vay tiền và H đã cắt 01 tháng (30 ngày) tiền lãi là 3.000.000 đồng, chị P nhận 22.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định của 25.000.000 đồng trong 30 ngày là 410.958 đồng, như vậy số tiền thu lời bất chính của H là 2.589.042 đồng. Từ tháng 11 năm 2018 đến tháng 3 năm 2020, chị P đã trả lãi cho H tổng số tiền là 51.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định của 25.000.000 đồng trong 17 tháng là 6.986.301 đồng. Như vậy số tiền thu lời bất chính của H là 44.013699 đồng. Từ tháng 4/2020 đến tháng 3/2023, chị P đã trả

tiền lãi trực tiếp cho Nguyễn Doãn H mỗi tháng là 2.000.000đ (tương đương 97%/ năm nên hành vi không cấu thành tội phạm). Từ tháng 4/2023, chị P gặp Nguyễn Doãn H xin không trả tiền lãi nữa mà chỉ trả tiền gốc mỗi tháng 2.000.000đ, H đồng ý nên hành vi không cấu thành tội phạm. Chị P đã trả tiền gốc cho H được 2 tháng là 4.000.000đ, như vậy chị P còn nợ H tiền gốc là 21.000.000đ. Tổng số tiền chị P đã trả cho H là 58.000.000 đồng, trong đó trả gốc là 4.000.000 đồng, lãi hợp pháp là 7.397.259 đồng, lãi không hợp pháp là 46.602.741đ.

Ngày 16/02/2023, anh Lê Văn H gặp Bùi Quang H hỏi vay 3.000.000đ, để lại 01 laptop nhãn hiệu Dell. H gọi điện thoại cho Nguyễn Doãn H xin ý kiến, Nguyễn Doãn H đồng ý cho anh H vay 3.000.000đ, tiền lãi 300.000đ/tháng là 3.333đ/triệu/ngày (tương đương 121,65%/năm), có viết giấy vay nợ. Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2023, anh H đã trả lãi cho H tổng số tiền lãi là 900.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 147.945 đồng; lãi không hợp pháp là 752.055 đồng.

Ngày 04/5/2023, anh Bàn Văn D gặp Bùi Quang H để hỏi vay 6.000.000đ và để lại 01 xe mô tô, BKS: 24Z1 – 10174 kèm giấy tờ xe. H gọi điện thoại xin ý kiến, Nguyễn Doãn H đồng ý cho anh D vay 6.000.000đ, thời hạn là 30 ngày, cắt lãi trước 30 ngày là 600.000đ, có viết giấy vay nợ, anh D nhận 5.400.000đ. Tuy nhiên, đến cuối ngày 04.5.2023, anh D trả H đủ tiền gốc, tiền lãi, rồi lấy xe mô tô về. Tiền lãi 16.700đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 609,5%/năm); số tiền lãi tối đa 3.287đ; số tiền lãi thu lời bất chính là: 96.713đ. Tiếp theo, ngày 06/6/2023, anh D gặp Bùi Quang H hỏi vay 6.000.000đ để lại chiếc xe mô tô BKS: 24Z1 - 10174 kèm giấy tờ. H gọi điện thoại xin ý kiến, Nguyễn Doãn H đồng ý cho anh D vay 6.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, cắt lãi trước 30 ngày là 600.000đ (tương đương 120,4%/năm), có viết giấy vay nợ, anh D nhận 5.400.000đ; số tiền lãi thu tối đa là 98.630đ; số tiền lãi thu lời bất chính là 501.370 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi anh D đã trả cho H là 700.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 101.917 đồng, lãi không hợp pháp là 598.083đ. Anh D chưa trả H số tiền gốc là 6.000.000đ.

T hợp người vay là anh Nguyễn Văn P: Ngày 21/5/2023, anh P vay của Nguyễn Doãn H 7.500.000đ, để lại chiếc xe mô tô BKS: 30Z8 - 6741 kèm đăng ký xe và chứng minh nhân dân, thời hạn vay là 10 ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 300.000đ là 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 146%/năm), có viết giấy vay nợ, anh P nhận 7.200.000đ; số tiền lãi thu tối đa là 41.095đ; số tiền lãi thu lời bất chính là 258.905 đồng. Anh P chưa trả H tiền gốc là 7.500.000đ.

T hợp người vay là anh Trần Văn B: Do nhu cầu cá nhân nên vào các ngày 01 và 07 tháng 6 năm 2023, anh Trần Văn B đã đến cửa hàng cầm đồ H P để vay tổng số tiền gốc là 22.000.000đ. Cụ thể: Ngày 01/6/2023, anh Trần Văn B gặp

Bùi Quang H (nhân viên cửa hàng cầm đồ H P) để vay 7.000.000đ và để lại chiếc xe mô tô BKS: 88H1 - 167.54. H gọi điện cho Nguyễn Doãn H và được H đồng ý cho anh B vay 7.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, cắt lãi trước 01 tháng (30 ngày) là 700.000đ (tương đương 121,6%/năm), có viết giấy vay nợ, anh B nhận 6.300.000đ; số tiền lãi thu tối đa là 115.068đ; số tiền lãi thu lời bất chính là 584.932 đồng. Anh B chưa trả H số tiền gốc là 7.000.000đ. Tiếp theo, ngày 07/6/2023, anh B đến gặp Bùi Quang H vay 15.000.000đ và để lại chiếc điện thoại Iphone 14 ProMax, Bùi Quang H xin ý kiến, Nguyễn Doãn H đồng ý cho anh B vay 15.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 500.000đ (tương đương 121,6%/năm), có viết giấy vay nợ, anh B nhận 14.500.000đ; số tiền lãi thu tối đa là 82.191đ; số tiền lãi thu lời bất chính là 417.809 đồng. Tổng số tiền H thu lời bất chính của anh B là 1.002.741 đồng. Ngày 8.6.2023 anh B trả cho H 22.000.000đ tiền gốc của 02 lần vay thì bị Công an thành phố Phúc Yên phát hiện lập B bản, thu giữ số tiền nêu trên.

T hợp người vay là anh Nguyễn Văn H: ngày 01/6/2023, anh Nguyễn Văn H gặp Bùi Quang H để hỏi vay 8.000.000đ, để lại chiếc xe mô tô BKS: 88H1-375.37. H gọi điện thoại xin ý kiến, Nguyễn Doãn H đồng ý cho Nguyễn Văn H vay là 8.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, cắt lãi trước 15 ngày là 360.000đ, (tương đương 109,5%/năm), có viết giấy vay nợ, anh H nhận 7.640.000đ; số tiền lãi thu tối đa là 65.753đ; số tiền lãi thu lời bất chính là 294.247 đồng. Anh H chưa trả tiền gốc là 8.000.000 đồng cho Nguyễn Doãn H.

Quá trình điều tra Công an thành phố Phúc Yên xác định ngoài T hợp cho chị Tạ Thị P, anh Lê Văn H, anh Bàn Văn D, anh Nguyễn Văn P, anh Trần Văn B và anh Nguyễn Văn H vay tiền với lãi suất cao như nêu trên, Cơ quan điều tra xác định Nguyễn Doãn H còn cho 03 người khác vay tính lãi. Cụ thể:

Ngày 28/5/2023, anh Tạ Trùng K cầm cố xe mô tô biển kiểm soát: 88F1 – 3016 kèm đăng ký và chứng minh nhân dân để vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 36,5%/01 năm), khi nào lấy xe sẽ trả tiền gốc và lãi. Đến nay anh K vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho Nguyễn Doãn H.

Ngày 07/6/2023, anh Hoàng Văn T cầm cố xe ô tô biển kiểm soát: 88A – 324.34 để vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất 2.500đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 91,25%/01 năm), cắt lãi trước 30 ngày là 9.000.000đ, có viết giấy vay nợ, anh T nhận 111.000.000đ.

Ngày 25/5/2023, anh Nguyễn Văn T cầm cố xe mô tô biển kiểm soát: 29Z1 – 529.81 kèm đăng ký và chứng minh nhân dân để vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 109,5%/01 năm). Anh T chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho Nguyễn Doãn H.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Doãn H sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 77.500.000 đồng; tổng số tiền lãi Nguyễn Doãn H thu của người vay là 53.460.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 7.951.228 đồng, tiền lãi bất chính là 49.508.772 đồng. Tổng số tiền gốc người vay đã trả cho H là 32.000.000 đồng trong đó: B trả cho H 22.000.000 đồng (đang bị tạm giữ tại cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố Phúc Yên), Phương đã trả cho H 4.000.000 đồng, D đã trả cho H 6.000.000 đồng.

Đối với Bùi Quang H là nhân viên cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ H P từ tháng 11/2022 đến 08/6/2023, đã làm rõ:

Ngày 16.9.2018, chị Tạ Thị P vay của Nguyễn Doãn H 25.000.000đ tiền gốc và đã trả lãi đến tháng 3. 2020 với mức lãi suất 146%, thời điểm này H chưa làm thuê cho Nguyễn Doãn H, nên không phạm tội.

Từ tháng 11.2022 đến 08.6.2023: H có hành vi cho 05 người vay tiền với mức lãi suất cao vượt mức lãi suất quy định dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Doãn H với tổng số tiền thu lời bất chính là 2.906.031đ; H không có tiền án, tiền sự về tội này nên hành vi không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phúc Yên thu giữ vật chứng gồm:

Thu giữ của Trần Văn B số tiền 22.000.000đ (là số tiền B đem đến để trả cho H tiền gốc đã vay trước đó);

01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 19H8007295 mang tên Nguyễn Doãn H là chủ cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ và cho thuê xe ô tô, xe máy tự lái H P; 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của Nguyễn Doãn H.

10 giấy vay tiền mang tên người vay là Nguyễn Văn H, Trần Văn B, Tạ Thị P, Bàn Văn D, Tạ Trùng K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Hoàng Văn T và Lê Văn H;

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu trắng bạc, BKS: 88H1-375.37 + 01 chiếc đăng ký của xe mô tô, BKS: 88H1-375.37, là tài sản của anh Nguyễn Văn H sn 1978, trú tại: xã Cao Minh, Phúc Yên; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu trắng đen bạc, BKS: 88H1-167.54 + 01 chiếc đăng ký xe, BKS 88H1-167.54 mang tên Nguyễn T Giang sn 1987, trú tại phường H, Phúc Yên; 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max, của anh Trần Văn B; 01 Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha winner X, màu đỏ đen, BKS: 24Z1-101.74 kèm 01 giấy B nhận thế chấp đăng ký xe mô tô, BKS: 24Z1-101.74 mang tên Bàn Văn D; 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu trắng, BKS: 88F1-3016 + 01 chiếc đăng ký xe mô tô, BKS: 88F1-3016 mang tên Trương Hùng Kiên sn 1971, trú tại phường Trung Trắc,

Phúc Yên, và 01 chứng minh nhân dân mang tên Tạ Trung K; 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu trắng, BKS: 29Z1-529.81 + 01 đăng ký của xe mô tô, BKS: 29Z1-529.81 và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu trắng, BKS: 30Z8-6741 + 01 đăng ký xe mô tô, BKS: 30Z8-6741 mang tên Nguyễn Ngọc Tú sn 1983, trú tại xã Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn P; 01 Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu đen, BKS: 88A-324.34 + 01 giấy B nhận đăng ký + 01 giấy chứng nhận kiểm định + 01 giấy bảo hiểm bắt buộc của xe oto, tất cả đều mang tên Hoàng Văn T; 01 chiếc laptop nhãn hiệu Dell, màu đen, là tài sản trên là của anh Lê Văn H; 01 đăng ký xe mô tô, BKS: 29Z1-348.97 và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên chị Tạ Thị P;

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKS-P2 ngày 30 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Nguyễn Doãn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1,3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Doãn H từ 20 tháng đến 22 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên còn đề nghị về áp dụng hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Doãn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các B bản thu giữ vật chứng... và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến 08/6/2023, tại cửa hàng cầm đồ H P, thuộc tổ dân phố 8, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang Nguyễn Doãn H cho anh Trần Văn B và Nguyễn Văn H vay tổng số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000đ/01triệu/01ngày đến 3.300đ/01triệu/01 ngày (tương đương 109,5 đến 120,4%/01 năm). Quá trình mở rộng điều tra xác định bị cáo Nguyễn Doãn H còn cho 04 người khác gồm: Tạ Thị P, Lê Văn H, Bàn Văn D và Nguyễn Văn P vay tiền 47.500.000 đồng với mức lãi suất lớn hơn 100%/năm. Theo quy định của Bộ luật Dân sự tiền lãi tối đa (20%/năm) của số tiền 77.500.000 đồng là 7.951.228 đồng, tiền thu lời bất chính là 49.508.772 đồng.

Hành vi do bị cáo Nguyễn Doãn H thực hiện đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm và số tiền thu lợi bất chính thì hành vi của bị cáo Nguyễn Doãn H đã phạm vào khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng nH hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh và trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nH do háms lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đỏi với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét tính chất, cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Doãn H là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc T hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo H luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Xét thấy, chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo H trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Nguyễn Doãn H đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Doãn H và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự": Theo hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tịch thu sung quỹ nhà nước đối với khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay và số tiền lãi tương ứng với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay; đối với khoản tiền tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự) mà người phạm tội thực tế đã thu thì trả lại cho người vay. Căn cứ vào hướng dẫn này thì số tiền phải truy thu, số tiền được trả lại của các bị cáo và những người vay cụ thể như sau:

[5.1]. Đối với khoản vay của chị Tạ Thị P: Bị cáo H cho chị P vay 25.000.000 đồng tiền gốc và đã thu được tổng số tiền lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 7.397.259 đồng và tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự là 46.602.741 đồng; chị P đã trả được 4.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại H 21.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 32.397.259 đồng (25.000.000 đồng tiền gốc + 7.397.259 đồng tiền lãi theo quy định) và trả lại cho chị P số tiền thu lợi bất chính là 46.602.741 đồng. Sau khi đối trừ với số tiền gốc mà chị P chưa trả thì chị P được nhận lại số tiền 25.602.741 đồng (46.602.741 đồng – 21.000.000 đồng). Như vậy truy thu của bị cáo H số tiền 32.397.259 đồng và buộc bị cáo H phải trả chị P số tiền 25.602.741 đồng.

[5.2]. Đối với khoản vay của anh Lê Văn H: Bị cáo H cho anh H vay 3.000.000 đồng tiền gốc và đã thu được tổng số tiền lãi 900.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 147.945 đồng và tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự là 752.055 đồng; anh H vẫn còn nợ H 3.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.147.945 đồng (3.000.000 đồng tiền gốc + 147.945 đồng tiền lãi theo quy định) và trả lại cho anh H số tiền thu lợi bất chính là 752.055 đồng. Sau khi đối trừ với số tiền gốc mà anh H chưa trả cho bị cáo thì cần truy thu để tịch thu của anh Lê Văn H số tiền 2.247.945 đồng (3.000.000 đồng - 752.055

đồng) và truy thu của bị cáo H số tiền 900.000 đồng (3.147.945 đồng - 2.247.945 đồng).

[5.3]. Đối với khoản vay của anh Bàn Văn D: Bị cáo H cho anh D vay 02 lần là 12.000.000 đồng tiền gốc và đã thu được tổng số tiền lãi là 700.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 101.917 đồng và tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự là 598.083 đồng; anh D đã trả được 6.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại H 6.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.101.917 đồng (12.000.000 đồng tiền gốc + 101.917 đồng tiền lãi theo quy định) và trả lại cho anh D số tiền thu lợi bất chính là 598.083 đồng. Sau khi đối trừ với số tiền gốc mà anh D chưa trả cho bị cáo thì cần truy thu để tịch thu của anh Bàn Văn D số tiền 5.401.917 đồng (6.000.000 đồng - 598.083 đồng) và truy thu của bị cáo H số tiền 6.700.000 đồng (12.101.917 đồng - 5.401.917 đồng).

[5.4]. Đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn P: Bị cáo H cho anh P vay 7.500.000 đồng tiền gốc và đã thu được tổng số tiền lãi 300.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 41.095 đồng và tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự là 258.905 đồng; anh P vẫn còn nợ H 7.500.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.541.095 đồng (7.500.000 đồng tiền gốc + 41.095 đồng tiền lãi theo quy định) và trả lại cho anh P số tiền thu lợi bất chính là 258.905 đồng. Sau khi đối trừ với số tiền gốc mà anh P chưa trả cho bị cáo thì cần truy thu để tịch thu của anh Nguyễn Văn P số tiền 7.241,095 đồng (7.500.000 đồng - 258.905 đồng) và truy thu của bị cáo H số tiền 300.000 đồng (7.541.095 đồng - 7.241,095 đồng).

[5.5]. Đối với khoản vay của anh Trần Văn B: Bị cáo H cho anh B vay 02 lần tổng số tiền là 22.000.000 đồng tiền gốc và đã thu được tổng số tiền lãi 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 197.259 đồng và tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự là 1.002.741 đồng; ngày 08/6/2023 anh B đến cửa hàng cầm đồ H P trả 22.000.000 đồng tiền gốc thì bị Cơ quan Công an bắt và thu giữ số tiền 22.000.000 đồng nêu trên. Vì vậy, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 22.197.259 đồng (22.000.000 đồng tiền gốc + 197.259 đồng tiền lãi theo quy định) và trả lại cho anh B số tiền thu lợi bất chính là 1.002.741 đồng. Xác nhận đã thu của bị cáo H số tiền 22.000.000 đồng đang tạm giữ tại THA DS thành phố Phúc Yên.

[6.6]. Đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn H: Bị cáo H cho anh H vay 8.000.000 đồng tiền gốc và đã thu được tổng số tiền lãi 360.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 65.753 đồng và tiền lãi

vượt quá mức lãi suất vay cao nhất của Bộ luật Dân sự là 294.247 đồng. Vì vậy, cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.065.753 đồng (8.000.000 đồng tiền gốc + 65.753 đồng tiền lãi theo quy định) và trả lại cho anh H số tiền thu lợi bất chính là 294.247 đồng. Do anh H vẫn còn nợ bị cáo H 8.000.000 đồng tiền gốc nên sau khi đối trừ với số tiền gốc mà anh H chưa trả cho bị cáo thì cần truy thu để tịch thu của anh Nguyễn Văn H số tiền 7.705.753 đồng (8.000.000 đồng - 294.247 đồng) và truy thu của bị cáo H số tiền 360.000 đồng (8.065.753 đồng - 7.705.753 đồng).

Như vậy số tiền bị truy thu và trả lại của từng người trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là:

Bị cáo Nguyễn Doãn H bị truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền là 62.854.518 đồng (32.397.259 đồng + 900.000 đồng + 6.700.000 đồng + 300.000 đồng + 22.197.259 đồng + 360.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Doãn H phải trả lại anh Trần Văn B số tiền 1.002.741 đồng và chị Tạ Thị P số tiền 25.602.741 đồng.

Truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước của anh Nguyễn Văn H số tiền 7.705.753 đồng; của anh Nguyễn Văn P số tiền 7.241.095 đồng; của anh Bàn Văn D số tiền 5.401.917 đồng và của anh Lê Văn H số tiền 2.247.945 đồng.

[7]. Đối với Bùi Quang H là nhân viên cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ H P từ tháng 11/2022 đến 08/6/2023, H có hành vi cho 05 người vay tiền với mức lãi suất cao vượt mức lãi suất quy định dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Doãn H với tổng số tiền thu lời bất chính là 2.906.031đ; H không có tiền án, tiền sự về tội này nên hành vi không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hành vi của H vi phạm Điểm d, Khoản 4, Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Phúc Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là phù hợp.

[8]. Quá trình điều tra Công an thành phố Phúc Yên xác định Nguyễn Doãn H còn cho anh Nguyễn Văn T và anh Hoàng Văn T vay tính lãi nH mức lãi suất đều dưới 100%/năm là các giao dịch dân sự hợp pháp; cho anh Tạ Trùng K vay tiền, thỏa thuận lãi suất trên 100%/năm nH chưa thu được tiền lãi nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do vậy không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 22.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Doãn H đã bị Cơ quan điều tra thu giữ do dùng vào việc phạm tội. các vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý trong quá trình giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Doãn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Doãn H 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Doãn H phải trả lại cho chị Tạ Thị P số tiền 25.602.741 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn một đồng) và trả lại cho anh Trần Văn B số tiền 1.002.741 đồng (Một triệu không trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn một đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo Nguyễn Doãn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố Tụng hình sự.

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền là 62.854.518 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười tám đồng) của bị cáo Nguyễn Doãn H. NH được trừ vào số tiền 22.000.000 (Hai mươi hai triệu đồng chẵn) đã thu của bị cáo Nguyễn Doãn H theo B bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/11/2023 giữa Công an thành phố Phúc Yên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên. Bị cáo Nguyễn Doãn H bị truy thu tiếp số tiền còn lại là 40.854.518 đồng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước của anh Lê Văn H số tiền 2.247.945 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng); anh Bàn Văn D số tiền 5.401,917 đồng (Năm triệu bốn trăm linh một nghìn chín trăm mười bảy đồng); anh Nguyễn Văn P số tiền 7.241.095 đồng (Bảy triệu hai trăm bốn một nghìn không trăm chín lăm đồng); anh Nguyễn Văn H số tiền 7.705.753 đồng (Bảy triệu bảy trăm linh năm nghìn bảy trăm năm ba đồng).

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Doãn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

T hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THADS thành phố Phúc Yên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS + THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Tuấn